

Số: 59/2022/QĐST-DS

Chương Mỹ, ngày 31 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A (A).

Địa chỉ trụ sở: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị);

Ông Phạm Tuấn A ủy quyền cho: Ông Cao Duy T, ông Đinh Trần Đại N, ông Nguyễn Văn N (theo Văn bản ủy quyền số 26/2022/UQ-LCC-TTKHCNMB ngày 10/01/2022).

*** Bị đơn:** 1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979.

2. Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1984.

Đăng ký HKTT tại: thôn M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà Đỗ Thị Thu H ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T (theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1955

2. Anh Đỗ Việt P, sinh năm 1986 (*con bà V*)
3. Chị Trương Thị D, sinh năm 1990 (*vợ anh P*)
4. Cháu Đỗ Việt A, sinh năm 2016 (*con anh P + chị D*)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Việt A: Anh Đỗ Việt P và chị Trương Thị D (bố mẹ đẻ).

Điều đăng ký HKTT và cư trú: phố Ngô Thì S, (Khu tập thể V), tổ dân phố số 9, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Bà Phạm Thị V, anh Đỗ Việt P, chị Trương Thị D ủy quyền cho: Ông Nguyễn Anh T (theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng:

Vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A tạm tính đến hết ngày **23/5/2022** tổng số tiền **863.529.381** đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi một đồng*).

Cụ thể theo từng Hợp đồng tín dụng như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 3286966 ngày 19/05/2015, ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: **226.659.122** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 156.506.000 đồng; nợ lãi 70.153.122 đồng (*lãi trong hạn là 4.546.814 đồng; lãi quá hạn: 65.606.308 đồng*).

* Hợp đồng thẻ số 324-P-1467454 ngày 09/12/2015, ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: **109.224.893** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 46.315.064 đồng; lãi quá hạn 62.909.829 đồng.

* Hợp đồng cho vay số CN/DN0010297/201712/20 ngày 11/12/2017, ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: **234.299.155** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 119.972.619 đồng; lãi 99.312.367 đồng (*lãi trong hạn là 6.647.084 đồng; lãi quá hạn: 92.665.283 đồng*); phạt chậm trả: 15.014.169 đồng.

* Hợp đồng cho vay số LN1801100443388 ngày 16/01/2018, ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: **293.346.211** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 174.443.290 đồng; lãi 102.137.347 đồng (*lãi trong hạn là 7.610.728 đồng; lãi quá hạn: 94.526.619 đồng*); phạt chậm trả: 16.765.574 đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Anh T – bà Đỗ Thị Thu H tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/5/2022 cho đến ngày ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP A.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Anh T, bà Đỗ Thị Thu H không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 134; tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ tại khu tập thể V, xã V, thị xã H, tỉnh Hà Tây nay là số nhà 06, ngõ 85, phố Ngô Thì S, tổ dân phố số 9, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S738074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0095QDSDD/HĐ do UBND thị xã H (nay là quận H, Thành phố Hà Nội) cấp ngày 20/01/2003*) mang tên hộ Phạm Thị V.

Theo đó: Bà Phạm Thị V, anh Đỗ Việt P, chị Đỗ Thị Thu H, chị Trương Thị D, cháu Đỗ Việt A (do anh P và chị D là đại diện theo pháp luật) cùng những người đang sinh sống trên thửa đất thế chấp (*nếu có phát sinh thêm*) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

2.3. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Anh T – bà Đỗ Thị Thu H tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 18.925.941 đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng*).

+ Ngân hàng TMCP A được hoàn trả số tiền **14.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*) dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075641 ngày 18 tháng 01 năm 2022*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng L